TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI

Số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/10/2017
"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Viết Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa

2. Bà Đỗ Thị Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1993. (Có mặt).
2. Bị đơn: Anh Trần Văn A, sinh năm 1991. (Vắng mặt).

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn A có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, tổ chức đám cưới theo phong tục ngày và đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên tranh cãi. Anh A là người nghiện ngập, đã nhiều lần đi cai nghiện nhưng không thành. Hiện tại, chị và anh A không còn chung sống với nhau nữa, chị đã về nhà chị gái để sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn A.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn A có 01 con chung, tên là Trần Thị Hàn M, sinh ngày 26/12/2010. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M mà không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh A không có tài sản chung, nợ chung.

Đối với bị đơn anh Trần Văn A: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Tại phiên toà hôm nay, anh A tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì. Đối với bị đơn trong quá trình làm việc, hòa giải vắng mặt nhiều lần mà không có lý do.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 236/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Phan Thị N được ly hôn với anh Trần Văn A; Về con chung: Giao cháu Trần Thị Hàn M, sinh ngày 26/12/2010 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này; Về phần tài sản chung: Miễn xét; Về án phí: Buộc chị Phan Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Ngày 30/6/2017, nguyên đơn chị Phan Thị N có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn anh Trần Văn A. Xét hình thức, nội dung

đơn khởi kiện đảm bảo, căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử lần hai anh Trần Văn A đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị N và anh Trần Văn A có đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2014 tại UBND thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép hay ép buộc, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, không còn yêu thương chăm sóc nhau, anh chị bỏ mặc nhau, không còn ai quan tâm đến ai nữa, mỗi người sống mỗi nơi, là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân nhân không đạt được; tình trạng hôn nhân của anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, HĐXX chấp nhận cho chị Phan Thị N ly hôn với anh Trần Văn A là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị Phan Thị N và anh Trần Văn A có 01 con chung tên là Trần Thị Hàn M, sinh ngày 26/12/2010. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Nghĩa vụ nuôi con chung là trách nhiệm của bậc làm cha và làm mẹ, vì vậy, việc giao cháu Trần Thị Hàn M, sinh ngày 26/12/2010 cho anh A hoặc chị N trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặc cho cháu N. Chị N là mẹ, cháu M là con gái, do đó chị N sẽ có điều kiện thuận lợi hơn cho cháu M phát triển về thể chất, tâm sinh lý, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cho cháu M hơn anh A. Qua lời khai của chị N tại phiên tòa cũng như Tòa án tiến hành xác minh một số cơ quan có liên quan cũng như chính quyền địa phương thì hiện nay anh Trần Văn A là đối tượng nghiện ma túy; Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Chư Sê cho biết với điều kiện hiện tại nên giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu. Vì vậy, giao cháu M cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị N về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N không yêu cầu cấp dưỡng, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị N không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Buộc chị Phan Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị N được ly hôn với anh Trần Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Hàn M, sinh ngày 26/12/2010 cho chị Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Anh Trần Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

3. Về án phí: Buộc chị Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001458 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị N đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/10/2017) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời thạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HÀ VIẾT TOÀN

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
-VKSND cùng cấp (02 bản);
- UBND thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (01 bản)
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản).